

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 142

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ CĂN

LUẬN VỀ CĂN (Phần 1)

Hai mươi hai Căn, đó là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, Nữ căn, Nam căn, Mạng căn, Ý căn, Lạc căn, Khổ căn, Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn, Tín căn, Tinh tiến căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn, Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn, Cự tri căn.

Hai mươi hai Căn này, mấy là Học, mấy là Vô học, mấy là Phi học phi vô học? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao Tôn giả dùng hai mươi hai Căn mà soạn luận?

Đáp: Là do ý muốn của Tôn giả ấy, tùy theo ý muốn ấy không trái với pháp tướng mà soạn ra phần luận này, không cần phải vặn hỏi về nguyên cơ ấy.

Có người nói: Không cần phải hỏi, bởi vì Tôn giả ấy dùng hai mươi hai Căn nói trong kinh. Kinh ấy là căn bản của luận này, dựa vào kinh ấy mà soạn luận cho nên không có thể vặn hỏi về nhân duyên ấy. Bởi vì Tôn giả ấy đối với hai mươi hai Căn mà Đức Phật đã nói, không có thể giảm bớt mà nói là hai mươi một, không có thể tăng thêm mà nói là hai mươi ba. Bởi vì Đức Phật đã nói không có tăng giảm, cho nên không có thể tăng giảm. Như không có thể tăng giảm, không có thể nhiều ít, không có thể thua được, vô lượng vô biên, nên biết cũng như vậy. Bởi vì vô lượng vô biên mà Đức Phật đã nói, không có thể ở trong đó làm thành số lượng-giới hạn.

Vô lượng là bởi vì nghĩa khó suy lường, vô biên là bởi vì văn khó nhận biết. Ví như biển rộng vô lượng vô biên, vô lượng là sâu, vô biên

là rộng. Đức Thế Tôn đã nói nên biết cũng như vậy, tuy số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa các Đại luận sư như Xá-lợi-tử..., mà đối với nghĩa của hai câu văn do Đức Phật nói ra, soạn thành trăm ngàn bộ luận để phân biệt giải thích, tận cùng tánh giác ngộ ấy cũng không đạt được giới hạn. Vì vậy, không cần phải vặn hỏi Tôn giả về điều ấy.

Hỏi: Gác lại sự việc Tôn giả ấy, vì sao Đức Thế Tôn nói kinh này?

Đáp: Bởi vì quán xét hữu tình hóa độ thuận theo nghe pháp này được lợi ích thêm. Lại nữa, kinh này có duyên khởi riêng biệt, đó là “Có Phạm Chí tên gọi Sinh Văn, đi đến nơi Đức Phật, hoan hỷ chào hỏi rồi ngồi ở một phía mà thưa với Đức Phật rằng: Thi thiết mấy Căn để thấu nhiếp hết các Căn? Đức Phật nói: Ta nói hai mươi hai Căn thấu nhiếp hết các Căn, nếu có ai ngăn chặn những Căn này mà lại nói đến những Căn khác, thì nên biết người ấy nói có ngôn từ nhưng không có nghĩa lý. Nếu còn hỏi thì người ấy lại sinh ra ngu dốt mê hoặc. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.” Bởi vì Phạm Chí hỏi cho nên nói ra kinh này. Vì vậy, không nên dẫn ra ý Đức Phật đã nói.

Hỏi: Gác lại ý Đức Phật đã nói, vì sao Phạm Chí chỉ hỏi về các Căn mà không hỏi đến Uẩn-Giới-Xứ...?

Đáp: Tùy theo sự nghi ngờ ấy mà hỏi, không cần phải vặn hỏi. Hoặc là Phạm Chí ấy có tánh khéo tìm hiểu suy nghĩ, hẳn có nghe điều gì khác lạ thì đi hỏi khắp nơi, vì biết về nghĩa của Căn cho nên đi trải qua chín mươi sáu ngoại đạo ở khắp nơi để hỏi về số lượng của các Căn. Như ngoại đạo Ly Hệ thi thiết một Căn, đó gọi là Mạng căn có khắp mọi vật trong ngoài, cho nên người ấy đưa ra quy định không uống nước lạnh, không chặt đứt cỏ xanh, bởi vì có mạng sống.

Hỏi: Các ngoại đạo ở trong vật bên ngoài, chấp có Căn gì mà gọi là pháp có Căn?

Đáp: Có người đối với vật bên ngoài chấp là có Ý căn. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có Mạng căn. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có hai Căn, do Ý căn cho nên gọi là pháp có Căn, do Mạng căn cho nên gọi là pháp có Mạng. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có hai Căn, đó là Nghiệp và Ý, tùy theo thích hợp sẽ nói. Lại như ngoại đạo Ba-la-thiết-lợi, đưa ra cách nói như vậy: Mắt không nhìn thấy Sắc, tai không nghe thấy Thanh, gọi là Tu căn của Thánh.

Hỏi: Vì sao người ấy gọi là Ba-la-thiết-lợi?

Đáp: Là tên gọi đã lập ra, không cần phải hỏi về lý do lập ra tên gọi, bởi vì tên gọi tùy theo giả lập không hẳn là đều có Thật nghĩa.

Có người nói: Đây là họ của người ấy, nghĩa là Bà-la-môn có họ là Kiều-sa, có họ là Phiệt-sa, có họ là Phiến-thất-lược, có họ là Kiều-trận-na, có họ là Bà-la-đọa-xà, có họ là Ba-la-thiết-lợi.

Có người nói: Đây là tạp chủng, nghĩa là từ Sát-đế-lợi và Bà-la-môn sinh ra, gọi là Ba-la-thiết-lợi; như từ Lừa và Ngựa mà sinh ra gọi là con La.

Nói như vậy thì đây là họ của người ấy.

“Người ấy có đệ tử tên gọi Ốt-đát-la, đã từng vào một lúc nọ đi đến nơi Đức Phật, hoan hỷ chào hỏi xong ngồi ở một phía. Lúc ấy Đức Phật bảo rằng: Thầy ông là Ba-la-thiết-lợi, vì các ông mà nói về pháp Tu căn chăng? Ốt-đát-la nói: Thầy con đã từng nói. Đức Phật hỏi thế nào? Người ấy nói: Thầy con đưa ra cách nói như vậy: Mắt không nhìn thấy Sắc, tai không nghe thấy Thanh, gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không có gì giữ lấy. Đức Phật liền chất vấn: Nếu như vậy thì người mù phải gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không nhìn thấy Sắc. Lúc ấy Anan-đà đứng hầu bên Đức Phật, phe phẩy quạt cho Đức Phật, lập tức cũng chất vấn: Người điếc cũng phải gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không nghe thấy Thanh.”

Hỏi: Giả sử có số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa ngoại đạo, trí tuệ biện tài giống như Xá-lợi-tử, Đức Phật đều có thể làm cho khuất phục, vì sao Đức Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất rồi, Tôn giả Khánh Hỷ đưa ra chất vấn thứ hai, mà Đức Thế Tôn không ngăn chặn là tại vì sao?

Đáp: Đức Phật nhìn yết hầu của Khánh Hỷ có tướng trạng, biết là muốn đưa ra chất vấn cho nên tự mình liền dừng lại. Bởi vì Đức Phật ở trong ba Vô số kiếp xưa kia, lúc thường xuyên tinh tiến tu hạnh Bồ-tát, hãy còn không làm gián đoạn biện tài vốn có của người khác, cho đến đệ tử cũng không ngăn chặn, huống hồ nay thành Phật mà làm gián đoạn biện tài của người khác hay sao?

Lại nữa, Đức Phật biết rõ hoặc là tự mình đã nói, hoặc là Khánh Hỷ nói, đều bình đẳng không có gì khác nhau, không hề có tăng giảm, cho nên không ngăn chặn.

Lại nữa, bởi vì hiển bày về thầy và đệ tử cùng có năng lực làm cho người khác phải khuất phục. Nếu thầy và đệ tử cùng có năng lực làm cho phải khuất phục, thì mới gọi là khéo léo điều phục, cho nên không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn làm cho người ấy không có lời nào khác. Nghĩa là nếu Đức Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất, Khánh Hỷ không

đưa ra chất vấn thứ hai, thì ngoại đạo ấy trở về trong chúng của mình, bởi vì tâm kiêu mạn còn lại, mà đưa ra lời nói như vậy: Tuy bị vị thầy làm cho khuất phục mà không phải là đệ tử của vị ấy, vị ấy tuy có thể làm cho chúng ta khuất phục mà không phải là thầy của chúng ta. Nếu Phật Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất, Khánh Hỷ lại đưa ra chất vấn thứ hai, thì người ấy vĩnh viễn rời bỏ tâm kiêu mạn, bởi vì đệ tử hãy còn có thể làm cho chúng ta khuất phục, huống là thầy của họ hay sao? Giả sử thầy chúng ta có đến thì cũng không thể nào đối đáp được, huống gì là chúng ta?

Lại nữa, bởi vì muốn thỏa ý của Phạm Chí ấy. Người ấy dấy lên nghĩ rằng: Kiêu-đáp-ma tôn quý là bậc đứng đầu trong các lực sĩ, không có ai cao hơn, có thể điều phục và có thể đánh đổ tất cả các Luận giả mà không bị khuất phục; là bậc tôn quý thù thắng nhất trong các Luận sư, tất cả các Đại Luận sư xưa kia hãy còn không có ai có thể đối đáp, huống gì là chúng ta? Nếu đệ tử của vị ấy cùng với mình bàn luận, thì mình sẽ đối đáp qua lại, lẽ nào không thích hợp hay sao? Đức Phật luôn luôn làm thỏa ý của người đã hóa độ, như suy nghĩ của họ mà đưa đường dẫn lối, cho nên không ngăn cản sự chất vấn của Khánh Hỷ.

Lại nữa, Đức Phật lấy Khánh Hỷ làm người chứng nghĩa, cho nên chúng ngoại đạo ấy tin tưởng tôn trọng Khánh Hỷ. Bởi vì hình dáng tướng mạo của Tôn giả ấy đoan nghiêm, có sở trường biết về Nhân-đà-la và luận Thanh minh, cho nên ý Đức Phật khiến Tôn giả hỏi người đã tin tưởng, tự nghiệm xét tông chỉ của thầy mình có hợp với chánh lý hay không? Vì vậy, lúc Khánh Hỷ nói nhưng Đức Phật không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn không có suy nghĩ về người hơn mình. Nghĩa là các ngoại đạo suy nghĩ trong số đệ tử có người hơn mình, cho nên ngăn chặn ngôn từ biện giải của họ; Đức Phật không có điều này. Giả sử có số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa đệ tử, có biện tài trí tuệ như Xá-lợi-tử, cũng không có ai vấn nạn sánh bằng Đức Phật, huống gì có thể hơn được Đức Phật?

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày mình đã đoạn bỏ sự keo kiệt bản thủ về pháp. Nghĩa là các ngoại đạo không cho phép đệ tử luận bàn chất vấn với người khác, đừng để cho họ nhờ đó mà được nhiều danh dự-cung kính-lợi dưỡng; Đức Phật thì không như vậy. Giả sử ở thế gian, tất cả đều có được rất nhiều danh lợi, mà Đức Phật không có chút nào thì cũng không hề ganh ghét, vì thế cho nên không ngăn cản lời nói của Khánh Hỷ.

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày đệ tử cũng hơn hẳn người khác.

Nghĩa là các ngoại đạo sợ rằng học trò của mình luận bàn chất vấn với người khác, rơi vào thất bại chuốc lấy nhục nhã; đệ tử của Đức Thế Tôn không có ai không hơn hẳn người khác, nếu luận bàn chất vấn thì Chánh pháp của Như Lai lưu truyền càng rạng rỡ thêm, cho nên không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng trong cách nói pháp khéo léo, văn nghĩa đầy đủ không có cách nhìn khác nhau. Nghĩa là các ngoại đạo trong cách nói pháp xấu xa, văn nghĩa trái ngược, thầy trò nhìn nhận khác nhau, hễ có vấn đề gì đã thiết lập-đã nói ra-đã giải thích, thì thầy và đệ tử đều trái ngược nhau; trong Chánh pháp của Đức Phật không có lỗi lầm này, hễ có vấn đề gì đã thiết lập-đã nói ra-đã giải thích, thì đệ tử và thầy đều cùng chung một vị.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên đối với ngoại đạo ấy, Đức Phật và Khánh Hỷ đều đưa ra một vấn nạn.

Hỏi: Nếu ngoại đạo chấp nhận người mù-điếc là tu căn của Thánh, thì tại sao làm thành vấn nạn?

Đáp: Đây là vấn nạn lớn, cũng là nói chung về sai lầm của ngoại đạo, không có ai có thể đối đáp được. Nghĩa là nếu ông chấp nhận người mù-điếc cũng có thể gọi là tu căn của Thánh, thì tại sao các ông rời bỏ đời sống gia đình, ngày đêm luôn luôn chịu khó tu các phạm hạnh? Chỉ cần hủy hoại hai căn của mắt và tai, thì tự nhiên có thể gọi là người tu căn của thánh. Vì vậy, trước đã nói là đây là vấn nạn lớn, cũng là chỉ trích chung tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, phái Thắng Luận nói có năm Căn, nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân là năm Căn.

Lại nữa, phái Số Luận nói mười một Căn, đó là năm Căn thuộc về giác quan, năm Căn thuộc về nghiệp và Ý căn. Năm Căn thuộc về giác quan, đó là nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân Căn. Năm Căn thuộc về nghiệp, đó là Căn của lời nói-tay-chân-đại tiện và tiểu tiện. Cùng với Ý căn là Căn thứ mười một.

Hoặc lại có người nói: Một trăm hai mươi Căn, đó là nhãn-nhĩ-tỷ đều có hai là sáu, thiệt-thân-ý-mạng và năm Căn thuộc về cảm thọ, năm Căn như Tín..., tổng cộng là hai mươi sáu, mỗi một nẻo đều có hai mươi là một trăm hai mươi. Họ nói A-tố-lạc là nẻo thứ sáu.

Có người nói: Căn là nghĩa của Chủ. Ngoại đạo ấy nói có một trăm hai mươi Chủ, như Chủ loài trời, Chủ loài rồng, Chủ loài A-tố-lạc và Chủ loài người..., cần phải nhận lấy một trăm hai mươi Xứ như vậy, thân vi diệu thù thắng mới được giải thoát.

“Phạm Chí Sinh Văn nghe những điều như vậy, nói về Căn không như nhau, càng sinh ra nghi hoặc, không biết nơi nào là nói đúng sự thật về Căn. Nghe trong cung của dòng họ Thích sinh ra một Thái tử, đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng, ánh sáng xoay tròn một tâm, người trông thấy hoan hỷ ngắm nhìn không hề thỏa mãn, từ bỏ ngôi vị Luân vương, vượt qua hoàng thành mà xuất gia, tinh tiến thường xuyên tu tập khổ hạnh rất khó thực hành, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, biết rõ tất cả mọi điều, thấy rõ tất cả mọi điều, đoạn trừ tất cả mọi điều nghi ngờ, thiết lập tất cả mọi điều quyết định, có năng lực giải thích tận cùng nguồn gốc tất cả những câu hỏi khó nhất. Nghe rồi lập tức đi đến nơi Đức Phật, ngồi ở một bên mà thưa với Đức Phật rằng: Nói về Căn thì có nhiều Sa-môn đã nói, có mấy căn thâm nhiếp hết các căn?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí không đem điều mình đã nghe nói sai biệt về Căn để thưa hỏi với Đức Phật mà dứt khoát đưa ra câu hỏi này?

Đáp: Người ấy có tuệ ác, sợ rằng Đức Phật từ trong Căn mà người khác đã nói, chọn lấy điều thích hợp để nói, cho nên đưa ra câu hỏi tổng quát, Đức Phật dựa vào câu hỏi ấy trả lời rằng: “Ta nói hai mươi hai Căn thâm nhiếp hết các Căn, ...nói rộng ra cho đến...Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn lại nói ra lời này: “Nếu có ai ngăn chặn những Căn này mà lại nói đến những Căn khác, thì nên biết người ấy nói có ngôn từ mà không có nghĩa lý. Nếu còn hỏi thì người ấy lại sinh ra ngu dốt mê hoặc. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.”

Đáp: Bởi vì muốn khiến cho người ấy biết trước đây đã nghe nói về nghĩa của một Căn, cho đến một trăm hai mươi Căn đều không phải là sự thật. Ta là người biết rõ tất cả mọi điều, thấy rõ tất cả mọi điều, hãy còn không có thể từ trong hai mươi hai Căn, giảm bớt một Căn mà nói là hai mươi một, tăng thêm một Căn mà nói là hai mươi ba; huống gì các ngoại đạo không có tri thức-nhìn nhận kỳ quái, từ trong các Căn có ai có năng lực tăng thêm và giảm bớt mà nói một cho đến một trăm hai mươi chẳng?

Bởi vì nhân duyên này cho nên người ấy đi đến nơi Đức Phật, chỉ hỏi về nghĩa của Căn chứ không phải là hỏi về Uẩn-Giới-Xứ..

Hỏi: Hai mươi hai Căn này thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thế có mấy loại? Đáp: Phái Đối Pháp nói: Tên gọi có hai mươi hai, Thật Thế có mười bảy, bởi vì ở trong Nam căn-Nữ căn và ba Căn vô lậu

không có Thể riêng biệt.

Hỏi: Vì sao Nam căn-Nữ căn không có Thể riêng biệt?

Đáp: Bởi vì hai Căn này chính là Thân căn thấu nhiếp. Như nói: Nữ căn là thế nào? Đó là phần ít của Thân căn. Nam căn là thế nào? Đó là phần ít của Thân căn.

Hỏi: Vì sao ba Căn vô lậu cũng không có Thể riêng biệt?

Đáp: Bởi vì ba Căn này chính là chín Căn thấu nhiếp. Chín căn, đó là Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn, năm Căn như Tín... Chín căn này có phần vị gọi là Vị tri dương tri căn, có phần vị gọi là Dĩ tri căn, có phần vị gọi là Cụ tri căn, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học, như thứ tự nên biết.

Lại nữa, ở trong sự nối tiếp nhau của Tùy tín-Tùy pháp hành, gọi là Vị tri dương tri căn; ở trong sự nối tiếp nhau của Tín giải-Kiến chí-Thân chứng, gọi là Dĩ tri căn; ở trong sự nối tiếp nhau của Tuệ giải thoát-Câu giải thoát, gọi là Cụ tri căn. Chín căn tụ tập tùy theo phần vị mà nói là ba cho nên không có Thể riêng biệt. Vì vậy cho nên nói hai mươi hai Căn thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bảy.

Tôn giả Pháp Cứu đưa ra cách nói như vậy: “Tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bốn, đó là bởi vì ngay năm Căn trước và Mạng-Xả-Định căn không có Thật Thể riêng biệt.”

Hỏi: Vì sao vị ấy nói Mạng căn không có Thật Thể?

Đáp: Mạng căn là do Hành uẩn không tương ưng thấu nhiếp, vị ấy nói Hành uẩn không tương ưng cho nên không có Thật Thể.

Hỏi: Vì sao lại nói Xả căn không có Thể riêng biệt?

Đáp: Vị ấy nói lia Khổ thọ-Lạc thọ không có Thọ không khổ không lạc riêng biệt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các Thọ vốn có, hoặc là Lạc-hoặc là Khổ, nếu không phải là Khổ-Lạc thì tại sao gọi là Thọ?

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói ba Thọ nên hiểu thế nào?

Đáp: Vị ấy đưa ra cách nói này: Lạc thọ-Khổ thọ, có trên cao-có dưới thấp, có sắc bén-có cùn chậm, có nóng vội-có điềm tĩnh, các loại trên cao-sắc bén- nóng vội thì gọi là Lạc thọ-Khổ thọ, các loại dưới thấp-cùn chậm-điềm tĩnh thì gọi là Thọ không khổ không lạc, Thể này không nhất định, như nghi ngờ mà chuyển đổi.

Hỏi: Vì sao vị ấy nói Định căn cũng không có Thể riêng biệt?

Đáp: Vị ấy nói bởi vì lia tâm không có Thể của Định. Như nói: Định là thế nào? Đó là tâm cùng một cảnh với tánh. Vì vậy, các Căn thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bốn.

Tôn giả Giác Thiên đưa cách nói như vậy: “Tên gọi có hai mươi

hai, Thật Thể chỉ có một, đó là Ý căn.”

Vị ấy đưa ra cách nói này: Các pháp hữu vi có hai tự tánh, một là Đại chủng, hai là Tâm. Lìa xa Đại chủng thì không có sắc sở tạo, lìa xa Tâm thì không có tâm sở, các sắc đều là sự sai biệt của Đại chủng, không có sắc đều là sự sai biệt của Tâm. Bởi vì nghĩa này cho nên Thật Thể của Căn chỉ có một.

Như Thật nghĩa thì nên như cách nói thứ nhất là tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bảy. Như tên gọi và Thể, như vậy tên gọi thì thiết-Thể thì thiết, tên gọi khác tướng-Thể khác tướng, tên gọi khác tánh-Thể khác tánh, tên gọi lìa tánh-Thể lìa tánh, tên gọi phân biệt-Thể phân biệt, tên gọi giác ngộ-Thể giác ngộ, nên biết cũng như vậy. Đó gọi là tự tánh của các Căn, tự Thể và tướng của ngã-vật.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Căn, Căn là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, nghĩa về sáng tỏ là nghĩa của Căn, nghĩa về hiện bày là nghĩa của Căn, nghĩa về hỷ quán là nghĩa của Căn, nghĩa về đoan nghiêm là nghĩa của Căn, nghĩa về tối thượng là nghĩa của Căn, nghĩa về thù thắng là nghĩa của Căn, nghĩa về làm chủ là nghĩa của Căn.

Hỏi: Nếu nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, thì các pháp hữu vi lần lượt chuyển đổi tăng thượng, các pháp vô vi đối với hữu vi tăng thượng, tất cả các pháp đều nên thiết lập làm Căn, vì sao Đức Thế Tôn thiết lập hai mươi hai?

Đáp: Hiệp Tôn giả nói: “Đức Phật hiểu rõ ràng đến tận cùng đối với các pháp, biết tường tận về thể dụng-Thể tướng của các pháp, người khác không thể nào biết được. Nếu pháp có tướng của Căn thì thiết lập làm Căn, không có tướng của Căn thì không thiết lập làm Căn, vì vậy không cần phải vặn hỏi.”

Có người nói: Duyên tăng thượng có dưới-có trên, có yếu-có mạnh, trên và mạnh thì thiết lập làm Căn, dưới và kém thì không thiết lập.

Có người nói: Tuy tất cả các pháp đều có nghĩa về duyên tăng thượng, mà không phải là đều có nghĩa về tăng thượng-sáng tỏ-hiện bày cho đến nghĩa về làm chủ, như hai mươi hai Căn ấy. Như tất cả hữu tình tuy đều có nghĩa về duyên tăng thượng, mà có người hơn hẳn. Như trong cõi quỷ thì Diêm Ma Vương là hơn hẳn, trong loài bàng sinh thì sư tử chúa là hơn hẳn, trong thôn xóm thì người đứng đầu là hơn hẳn, trong đất nước thì vua chúa là hơn hẳn, trong bốn Đại châu thì Chuyển Luân

Vương là hơn hẳn, ở trong cõi Dục thì trời Tự Tại là hơn hẳn, trong một ngàn thế giới thì Phạm Vương là hơn hẳn, ở trong ba cõi thì Đức Phật là bậc thù thắng nhất, Đức Phật ở trong tất cả các loài hữu tình, một mình xưng là Pháp Vương bởi vì không có ai sánh bằng. Như vậy, các pháp tuy đều là duyên tăng thượng, mà không phải là tất cả đều có nghĩa về tăng thượng, cho đến nghĩa về làm chủ, như hai mươi hai Căn ấy. Vì vậy, Đức Phật chỉ nói đến hai mươi hai Căn này.

Hỏi: Nếu nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, thì tăng thượng với loại nào-ở đâu?

Đáp: Nhãn căn tăng thượng đối với bốn xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.
2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.
3. Làm chỗ dựa cho Thức...
4. Làm công việc không như nhau.

Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng nếu như thiếu mất Nhãn căn thì người khác không thích nhìn, cho nên Nhãn căn này làm tăng thượng đối với thân trang nghiêm. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào Nhãn căn cho nên thấy rõ cảnh sắc tốt xấu, rời xa nơi nguy hiểm đi đến nơi yên lành, khiến cho thân tồn tại lâu dài. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Nhãn thức và pháp tương ứng dựa vào Nhãn căn này mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Nhãn căn thấy cảnh sắc chứ không phải là Căn nào khác.

Nhĩ căn tăng thượng đối với bốn xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.
2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.
3. Làm chỗ dựa cho Thức...
4. Làm công việc không như nhau.

Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng nếu như thiếu mất Nhĩ căn thì người khác không thích nhìn, cho nên Nhĩ căn này làm tăng thượng đối với thân trang nghiêm. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào Nhĩ căn cho nên nghe rõ âm thanh tốt xấu, rời xa nơi nguy hiểm đi đến nơi yên lành, khiến cho thân tồn tại lâu dài. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Nhĩ thức và pháp tương ứng dựa vào Nhĩ căn này mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Nhĩ căn nghe âm thanh chứ không phải là Căn nào khác.

Có Sư khác nói: Nhãn căn dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân là hơn hẳn,

Nhĩ căn dẫn dắt nuôi giữ Pháp thân là hơn hẳn. Như nói:

“Vị như người đôi mắt sáng tỏ, tránh được hiểm nạn ngay trước mắt,

Người thế gian có được thông minh, có thể lia quả khổ đời sau,
 Nghe nhiều có thể biết rõ pháp, nghe nhiều có thể lia tội lỗi,
 Nghe nhiều rời bỏ không có nghĩa, nghe nhiều có thể đến Niết-bàn.”

Lại có người nói: Nhãn căn và Nhĩ căn đều có thể dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân-Pháp thân. Dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân, như trước nói. Dẫn dắt nuôi giữ Pháp thân, nghĩa là nhờ vào Nhãn căn cho nên gần gũi bậc Thiện sĩ, nhờ vào Nhĩ căn cho nên lắng nghe Chánh pháp. Nhờ vậy có thể dẫn dắt tác ý như lý, pháp tùy pháp hành cho đến lần lượt chuyển đổi chứng được Niết-bàn. Vì vậy kinh nói: “Phạm Thọ-Phạm Chí đừng hủy hoại hai Căn, đó là Nhãn căn và Nhĩ căn.”

Hỏi: Vì sao ở trong tụ của các Căn, chỉ nói là đừng hủy hoại hai Căn?

Đáp: Nhờ vào Nhãn căn-Nhĩ căn mà lúc Đức Phật xuất thế, làm con đường-làm cửa ngõ để hướng vào Phật pháp. Lại nhờ vào Nhãn-Nhĩ mà lúc được gặp Phật thì có thể so sánh biết là Phật. Như nói: “Này Tỳ kheo! Nếu ông không có thể biết được tâm Phật thì nên câu ở hai nơi: 1. Từ nơi nghe; 2. Từ nơi thấy.” Vì vậy chỉ nói là đừng hủy hoại hai Căn. Tỷ- Thiệt- Thân căn đều tăng thượng đối với bốn Xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.
2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.
3. Làm chỗ dựa cho Thức..

4. Làm công việc không như nhau. Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng ba Căn tùy thuộc thiếu mất thì người khác không thích nhìn. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào ba Căn này tiếp nhận sử dụng đoàn thực khiến cho thân được tồn tại lâu dài, bởi vì đoàn thực là Hương-Vị-Xúc. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Tỷ thức và pháp tương ứng dựa vào Tỷ căn mà sinh khởi, Thiệt thức và pháp tương ứng dựa vào Thiệt căn mà sinh khởi, Thân thức và pháp tương ứng dựa vào Thân căn mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Tỷ căn có thể ngủ, chỉ có Thiệt căn có thể nếm, chỉ có Thân căn cảm giác xúc chạm, tất cả không phải là Căn nào khác.

Ý căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Có thể nối tiếp thân đời sau.

2. Tự tại tùy ý chuyển đổi.

Có thể nối tiếp thân đời sau, như nói: “Nếu Thức không dựa vào thai mẹ thì Danh sắc có thể thành Yết-la-lam hay không? Thừa Đức Thế Tôn, không thể nào.” Tự tại tùy ý chuyển đổi, như nói:

“Thế gian do tâm đã dẫn lối, cũng bị tâm làm cho nhọc nhằn,
Nếu tâm sinh khởi ở nơi ấy, đều tự tại tùy ý chuyển đổi.”

Có người nói: Ý căn tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh, như nói: “Tâm tạp nhiễm cho nên hữu tình tạp nhiễm, tâm thanh tịnh cho nên hữu tình thanh tịnh.”

Nam căn-Nữ căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Hữu tình khác nhau.
2. Phân biệt khác nhau.

Hữu tình khác nhau, là do hai Căn này khiến cho các loài hữu tình nam-nữ khác nhau. Phân biệt khác nhau, là do hai Căn này mà hình tướng-âm thanh-ngôn ngữ... khác nhau. Nghĩa là lúc kiếp bắt đầu không có nam-nữ sai biệt, về sau ở chỗ này ít tạo sắc phát sinh, liền có dáng vẻ-thể loại của nam-nữ, hình hài biểu hiện, ngôn ngữ âm thanh, áo quần ăn uống, tiếp nhận sử dụng đều sai biệt.

Có người nói: Hai Căn này tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh. Đối với người mạnh về nhiễm, không phải là đối với dâm dục, bởi vì Căn này không nghi ngờ gì; chỉ do hai Căn này, hoặc là hư hoại-hoặc là thiếu mất, đối với không luật nghi, năm nghiệp vô gián, không có thể tiếp nhận tạo tác, lại cũng không có thể đoạn mất các căn thiện. Đối với người mạnh về tịnh, Nam căn-Nữ căn này hoặc là hư hoại-hoặc là thiếu mất, thì không có thể phát khởi tất cả luật nghi, lại cũng không có thể lìa nhiễm của ba cõi, không có thể gieo trồng chủng tử của ba Thừa.

Mạng căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Khiến cho nói là có Căn.
2. Khiến cho Căn không đoạn dứt.

Bởi vì Mạng căn nếu còn thì có thể nói là có Căn, và khiến cho các Căn nối tiếp nhau tồn tại.

Có người nói: Mạng căn tăng thượng đối với bốn Xứ:

1. Nối tiếp Chúng đồng phần.
2. Duy trì Chúng đồng phần.
3. Bảo vệ và nuôi giữ Chúng đồng phần.
4. Khiến cho Chúng đồng phần không đoạn dứt.

Năm Thọ căn tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm, bởi vì các hữu tình do thế lực của Thọ mà theo đuổi tìm cầu khắp nơi, đi qua mọi chốn,

đường sá hiểm nguy, trèo lên núi cao, vượt qua hố hầm, đi vào biển rộng gặp phải tai nạn đáng sợ, sóng nước trôi nổi, gió cuộn mịt mù, giặc cướp bao vây, thú dữ gầm gào, núi lở đá lấp..., rất nhiều tai họa bất ngờ rình rập. Các loại như vậy đều bởi vì các Thọ.

Hỏi: Thọ vô lậu vì sao tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm?

Đáp: Bắt đầu khởi lên gia hạnh và lúc hướng vào, cũng tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm, nghĩa là người quán hành lúc cầu mong Thọ ấy, cũng cần phải theo đuổi tìm cầu các vật như cơm ăn-áo mặc..., bởi vì thế lực này cho nên cũng sinh khởi tạp nhiễm.

Có người nói: Thọ đối với nhiễm-tịnh đều mạnh. Lạc thọ, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Lạc thọ thì Tham tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Lạc cho nên tâm định.” Khổ thọ, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Khổ thọ thì Sân tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Khổ làm chỗ dựa cho Tín.” Thọ không khổ không lạc, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Thọ không khổ không lạc thì Vô minh tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Sáu rời bỏ dựa vào Xả.”

Năm Căn như Tín... tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh, như nói:

“Tín phát sinh có thể quay về, vượt qua biển rộng của phóng dật, Tinh tiến có thể trừ khổ đau, Tuệ có thể đạt được thanh tịnh.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ Tín, Y-sư-ca có thể rời bỏ bất thiện mà tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Đức Phật bảo với Khánh Hỷ: Tinh tiến có thể đạt được Bồ-đề.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ lực Tinh tiến, rời bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Niệm có thể hoạt động khắp nơi phòng ngừa bảo vệ tất cả, đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ Niệm phòng ngừa bảo vệ, rời bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Định là Chánh đạo, bất định là tà đạo, tâm định đạt được giải thoát chứ không phải là tâm bất định, tâm định có thể biết rõ các uẩn sinh diệt.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ ba vòng hoa của Định, có thể lìa xa pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Tuệ là cao nhất của thế gian, có thể thuận theo đến quyết trạch,

Có thể biết chính xác các pháp, có thể không còn khổ lão tử.”

Lại nói: “Trong tất cả các pháp, Tuệ là cao nhất.”

Lại nói: “Này chị em! Đệ tử hàng Thánh của Ta có thể dùng dao Tuệ, cắt đứt các kiết-phược-tùy miên-triền-cấu.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta vốn có bức tường ngay thẳng của Tuệ, có thể ngăn cản pháp ác, tăng trưởng pháp thiện.”

Vị tri đương tri căn, tăng thượng đối với phần vị chưa Kiến đế mà Kiến đế. Dĩ tri căn, tăng thượng đối với phần vị đã Kiến đế và loại trừ lỗi lầm của phiền não. Cụ tri căn, tăng thượng đối với phần vị đã loại trừ lỗi lầm của phiền não, được an trú trong niềm vui của pháp hiện tại. Vì vậy, tất cả đều có nghĩa tăng thượng đối với mọi nơi, cho nên nói là Căn. Tôn giả Lữ-sa-phiệt-ma đưa ra cách nói như vậy: “Chỉ riêng Ý là một loại Căn thuộc về thắng nghĩa, bởi vì là bên trong-là bao trùm và có sở duyên. Là bên trong, bởi vì Xứ bên trong thâm nhiếp. Là bao trùm, bởi vì từ địa ngục vô gián cho đến cõi Hữu Đảnh. Có sở duyên, bởi vì duyên với tất cả các pháp. Căn còn lại như Nhãn... không có đủ nghĩa này, cho nên không thiết lập làm Căn thuộc về thắng nghĩa. Nghĩa là năm Căn như Nhãn tuy Xứ bên trong thâm nhiếp, mà không phải là bao trùm, không phải là có sở duyên; Mạng căn tuy bao trùm mà không phải là Xứ bên trong, cũng không phải là có sở duyên; Khổ-Lạc-Uu-Hỷ căn tuy có sở duyên, nhưng không phải là bao trùm, không phải là bên trong; năm Căn như Xả-Tín... tuy bao trùm và có sở duyên, mà không phải là bên trong; ba Căn vô lậu nói như chín Căn.”

Hỏi: Nếu chỉ riêng Ý là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì hai mươi mốt loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm sở y, làm chỗ dựa, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho Ý căn, cho nên cũng gọi là Căn. Căn nào làm sở y? Đó là Nhãn, đó là năm Căn. Căn nào làm chỗ dựa? Đó là Mạng căn. Căn nào làm tạp nhiễm? Đó là năm Thọ căn. Căn nào làm thanh tịnh? Đó là năm Căn như Tín... Căn nào làm phần vị thanh tịnh? Đó là ba Căn vô lậu, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học.

Hỏi: Vì sao Nam-Nữ lại được gọi là Căn?

Đáp: Bởi vì sinh ra hữu tình, bởi vì sinh ra dục lạc, bởi vì chế ngự phiền não, bởi vì làm chỗ dựa cho nhiễm. Sinh ra hữu tình, nghĩa là sinh ra hữu tình thuộc loại thai sinh-noãn sinh. Sinh ra dục lạc, nghĩa là ở chỗ này bắt đầu sinh ra dục lạc, sau đó mới lan khắp toàn thân; như dựa vào chạng mờ bắt đầu sinh ra niềm vui thiền định, sau đó mới lan khắp toàn thân, đối với Nam-Nữ cũng như vậy. Chế ngự phiền não, nghĩa

là chí tánh này có thể điều phục các phiền não ở trong thời gian ngắn. Làm chỗ dựa cho nhiễm, nghĩa là Thức nhiễm ô và pháp tương ứng lấy nơi này làm sở y; nơi khác của Thân căn phát sinh ba loại Thức, chỗ này chỉ phát sinh Thức nhiễm ô chứ không phải là gì khác, lúc phát sinh Thức này chỉ làm tập khí gần của Ý bởi vì tâm đi cùng với tham.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô đưa ra cách nói như vậy: “Chỉ có sáu loại như Mạng... là Căn thuộc về thắng nghĩa, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạng, bởi vì là gốc của hữu tình.”

Hỏi: Nếu sáu loại như Mạng... là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì mười sáu loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm chủng tử, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho sáu loại như Mạng..., cho nên cũng gọi là Căn. Căn nào làm chủng tử? Đó là Ý căn. Căn nào làm tạp nhiễm? Đó là năm Thọ căn. Căn nào làm thanh tịnh? Đó là năm Căn như Tín... Căn nào làm phần vị thanh tịnh? Đó là ba Căn vô lậu, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học.

Hỏi: Vì sao Nam-Nữ cũng được gọi là Căn?

Đáp: Hữu tình cõi Dục lấy dục làm chủng tử, lấy dục làm lúa mạ. Hữu tình này dựa vào đâu mà có? Đó là Nam căn-Nữ căn. Vì vậy hai loại này cũng được gọi là Căn.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Tám loại như Mạng... là Căn thuộc về thắng nghĩa, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Nam-Nữ-Mạng, bởi vì là gốc của hữu tình.”

Hỏi: Nếu tám loại như Mạng... là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì mười bốn loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm chủng tử, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho tám loại như Mạng..., cho nên cũng gọi là Căn. Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Cực vi của Thân căn khắp toàn thân đều có, vì sao chỉ có chỗ này gọi là Nam căn-Nữ căn, lại nói là biểu hiện rõ?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì chỗ này có thể biểu hiện rõ là Nam-Nữ, cho nên gọi là Nam căn-Nữ căn, lại nói là biểu hiện rõ.”

Hỏi: Có người hai hình thái cũng có thể biểu hiện rõ chẳng?

Đáp: Loại này không có thể biểu hiện rõ bởi vì không quyết định, vì vậy cho nên nói là phi nam phi nữ.

Có người nói: Bởi vì nơi này sinh ra người lưu chuyển, người hoàn diệt. Ngoại đạo, Lục sư, Bồ-thích-noa... gọi là người lưu chuyển; Thanh

vấn, Độc giác và Như Lai gọi là người hoàn diệt.

Tôn giả nói rằng: Nơi này có thể sinh các vị Tiên Mâu-ni, những người thông tuệ, người khéo điều phục, người dễ dàng cư trú cùng nhau, cho nên gọi là Nam căn-Nữ căn, cũng nói là biểu hiện rõ.

Đã nói về nguyên cố thuộc tướng chung của các Căn, nay sẽ biểu hiện rõ ràng tướng riêng của từng loại một.

Hỏi: Nhãn căn là thế nào?

Đáp: Nếu đã thấy sắc, đang thấy sắc, sẽ thấy sắc, và những phần khác của loại này, thì gọi là Nhãn căn. Đã thấy sắc là nói về Nhãn quá khứ, đang thấy sắc là nói về Nhãn hiện tại, sẽ thấy sắc là nói về Nhãn vị lai. Đây là nói về Đồng phần. Và những phần khác của loại này là nói về Bĩ đồng phần. Nhãn như trong phần Giới nói rộng ra, cho đến Ý căn nói cũng như vậy.

Hỏi: Nữ căn là thế nào?

Đáp: Phần ít của Thân căn.

Hỏi: Nam căn là thế nào?

Đáp: Phần ít của Thân căn.

Hỏi: Mạng căn là thế nào?

Đáp: Thọ mạng của ba cõi.

Hỏi: Lạc căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với niềm vui mà sinh ra niềm vui của thân tâm, tiếp nhận bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Lạc căn.

Hỏi: Khổ căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với nỗi khổ mà sinh ra nỗi khổ của thân, tiếp nhận không bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Khổ căn.

Hỏi: Hỷ căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với niềm vui mà sinh ra niềm vui của tâm, tiếp nhận bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Hỷ căn.

Hỏi: Ưu căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với nỗi khổ mà sinh ra buồn lo trong tâm, tiếp nhận không bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Ưu căn.

Hỏi: Xả căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc không khổ không vui mà sinh ra buông xả thân tâm, tiếp nhận không phải là bình đẳng-không phải là không bình đẳng, do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Xả căn.

Hỏi: Tín căn là thế nào?

Đáp: Đối với sự rời bỏ-xa lìa mà sinh khởi pháp thiện, những sự tin nhận-thuận theo-phù hợp-vừa ý-chịu đựng-tâm ưa thích-tánh thanh

tĩnh, đó gọi là Tín căn. Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn, như văn nói rộng ra.

Hỏi: Vị tri đương tri căn là thế nào?

Đáp: Chưa Kiến đế, chưa Hiện quán, các Tuệ về Học-Tuệ căn, và Căn vốn có, Tùy tín-Tùy pháp hành, đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán-có năng lực Hiện quán, đó gọi là Vị tri đương tri căn.

Trong này, đối với bốn Thánh đế chưa hẳn đã thấy rõ cho nên gọi là chưa Kiến đế, chưa hẳn đã Hiện quán cho nên gọi là chưa Hiện quán. Các Tuệ về Học-Tuệ căn, đây là nói về Tuệ căn và Căn vốn có. Tùy tín hành-Tùy pháp hành, đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán-có năng lực Hiện quán, là nói về tám Căn còn lại. Toàn bộ chín Căn này gọi là Vị tri đương tri căn.

Hỏi: Trong chín Căn này, vì sao Tuệ căn lại nói thêm và nói riêng biệt, những Căn khác chỉ đưa ra nói tổng quát một lần?

Đáp: Bởi vì Tuệ gọi là thắng nghĩa, nghĩa là trong tụ Căn thì Tuệ là thù thắng nhất; như trong đất nước thì nhà vua là hơn hẳn, trong thôn xóm thì người đứng đầu là hơn hẳn, Căn khác thì không như vậy.

Có người nói: Bởi vì Tuệ là pháp dẫn dắt đứng đầu, như nói: “Này Tỳ kheo! Các pháp thiện sinh khởi, sáng suốt là dẫn dắt đứng đầu, sáng suốt là nhân tố trước tiên, vì vậy dẫn dắt sinh ra tất cả các pháp tầm quý.”

Có người nói: Bởi vì Tuệ có đủ ba Hiện quán, nghĩa là Tuệ đi cùng ba Hiện quán:

1. Hiện quán về Kiến.
2. Hiện quán về Duyên.

3. Hiện quán về Sự. Pháp tương ứng với Tuệ có hai Hiện quán, đó là trừ ra Kiến, bởi vì không phải là tánh thuộc Tuệ. Pháp cùng có với Tuệ có một Hiện quán, đó là Sự chứ không phải là gì khác, bởi vì không phải là tánh thuộc Tuệ, bởi vì không có sở duyên.

Có người nói: Tuệ thấy rõ làm cho phiền não không tồn tại lâu dài; như chúng sinh ở trong hang đá, nếu lúc thấy người thì quay trở vào trong hang.

Có người nói: Tuệ soi chiếu nối tiếp nhau thì phiền não không xâm phạm, như trong nhà có ánh đèn thì kẻ trộm cắp không có thể lấy trộm.

Có người nói: Tuệ có năng lực soi chiếu tất cả các pháp, mặt trời-mặt trăng... bên ngoài chỉ soi chiếu một Giới-một Xứ-một Uẩn và phần ít của một đời; Tuệ có năng lực soi chiếu tất cả mười tám Giới-mười hai

Xứ-năm Uẩn, ba đời và pháp vô vi.

Có người nói: Không có Tuệ thì ràng buộc, có Tuệ thì giải thoát. Có người nói:

Tuệ tiến vào Phật pháp rất vui sướng, nghĩa là trong

Phật pháp lấy giải thoát làm hơn hẳn, vì vậy những người có Tuệ thấy rõ Pháp bảo vi diệu, vui sướng ở trong đó; như người mắt sáng đi vào hòn đảo châu báu. Nếu không có trí tuệ thì tuy tiến vào Phật pháp mà không trông thấy gì, cho nên thường ôm lòng buồn lo; như người sống trong mù lòa đến chỗ thu nhặt châu báu càng thêm buồn bã xót xa.

Có người nói: Tuệ căn như vị tướng, như người dẫn đường, như đôi mắt, như cái đầu, là Giác cũng là Giác chi, là Đạo cũng là Đạo chi.

Có người nói: Tuệ có năng lực đưa đường dẫn lối cho những phần Bồ-đề còn lại, khiến không hướng về nơi khác; như người mắt sáng dẫn đường cho những người mù, khiến đi trên con đường ngay thẳng; Tuệ căn này cũng như vậy.

Có người nói: Tuệ đoạn dứt ràng buộc giống như lưỡi dao sắc bén, như nói: “Này chị em! Đệ tử hàng Thánh của Ta có thể dùng dao Tuệ cắt đứt các kết phược-tùy miên-triền cấu.”

Có người nói: Tuệ như cung điện lầu đài, như Tôn giả A-na-luật- đà nói: “Tôi dựa vào giới-trú vào giới, được bước lên cung điện lầu đài của trí tuệ Vô thượng.”

Có người nói: Tuệ có năng lực an lập tự tướng và cộng tướng của các pháp, có năng lực phân biệt tự tướng và cộng tướng của các pháp, phá bỏ ngu muội về tự Thể và ngu muội về sở duyên, ở trong các pháp không tăng giảm mà chuyển đổi.

Có người nói: Tuệ là pháp được chư Phật yêu quý, chư Phật không yêu quý hình sắc-sức lực-dòng họ-giàu sang tự tại của hữu tình, chỉ yêu quý pháp Tuệ, bởi vì Tuệ có năng lực chứng được các công đức.

Có người nói: Tuệ có năng lực biểu hiện rõ Đức Phật không có gì sánh bằng, nghĩa là các loại hình sắc-sức lực-dòng họ-giàu sang-cao quý tự tại, không có thể biểu hiện rõ Đức Phật là bậc tôn quý thù thắng nhất, chỉ có Tuệ có năng lực biểu hiện rõ, bởi vì tất cả trí tuệ chỉ riêng Đức Phật mới có, những Căn khác thì không như vậy.

Bởi vì rất nhiều những nhân duyên như vậy, cho nên Tuệ căn đưa ra cách nói sai biệt so với những Căn khác.

